TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH HÓA** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 30/2023/QĐST-HNGĐ	*Định Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị D, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh N, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị D, sinh năm: 1990. Nơi ĐKHKTT: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa và anh N, sinh năm: 1987.Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị D và anh N có 01 con chung là G, sinh ngày 12/01/2014. Sau khi ly hôn, anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung G, sinh ngày 12/01/2014 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung G, sinh ngày 12/01/2014 đối với chị D do anh N tự nguyện không yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh N xác định không có.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D tự nguyện chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004750 ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí. Số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được hoàn trả lại cho chị D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hóa (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Định Hóa;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Kiểm